

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 1462/2017/HNGĐ –ST

Ngày: 27/9/2017

V/v Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Xuân Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Trần Thị Mỹ Hồng

2/Ông Trần Văn Duy

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị T Hương –Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường –Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1562/2016/TLST –HNGĐ ngày 13/12/2016 v/v: “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2017/QĐXX –ST ngày 14/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 173/2017/QĐST –HNGĐ ngày 06/9/2017 giữa các đương sự:

N đơn: Bà Phan Hồng C –Sinh năm: 1980

Trú tại: xã LT, huyện C, tỉnh L –Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T –Sinh năm: 1973

Trú tại: 122/15/31 Bùi Tư T, KP4, phường A, quận BT, Thành phố H –Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Bà Phan Hồng C–là nguyên đơn trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau từ năm 2000 theo giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường 7, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/12/2000. Cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc được một thời gian. Sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T thường xuyên vắng nhà, tụ tập bạn bè chơi bài, chơi cờ, không lo làm ăn để lo cho gia đình. Bà nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không nghe mà còn cố chấp, lớn tiếng và đánh đập bà. Do không thể chung sống với nhau nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không còn quan tâm hay tình cảm gì với nhau. Vào năm 2014 bà đã một lần nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó bà đã rút đơn nhằm tạo

điều kiện hàn gắn gia đình. Tuy nhiên vợ chồng bà cũng không thể hàn gắn và không tìm được tiếng nói chung.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của cả hai nên bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, trả tự do cho nhau không ai ràng buộc lẫn ai.

+Về con chung: Có 02 (hai) con chung:

-Nguyễn Khải N –Sinh ngày: 19/02/2002

-Nguyễn Ái V –Sinh ngày: 22/5/2013

Hiện nay cháu N đang sống với ông T tại quận Bình Tân, còn cháu V sống với bà tại huyện C, tỉnh L.

Bà yêu cầu được nuôi cháu V, còn cháu N hiện đang sống với ông T thì để ông T nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung và cũng không cấp dưỡng nuôi con cho ông T.

+Về tài sản chung: Bà xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có.

*Ông Nguyễn Hữu T–là bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý, ra giấy triệu tập, thông báo phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải yêu cầu có mặt tại tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông T không có mặt và cũng không gửi văn bản phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của bà C.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thông báo văn bản tố tụng, tiến hành tổng đạt, hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như thủ tục khai mạc phiên tòa. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của N đơn cũng như về con chung, tài sản chung, nợ chung...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Hồng C và ông Nguyễn Hữu T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp thể hiện qua giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường 7, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/12/2000. Bà C khởi kiện xin ly hôn, ông Nguyễn Hữu T là bị đơn trong vụ án cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó căn cứ điều 28, khoản 1 điều 35, điều 36, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

[1.2] Về cấp, tổng đạt văn bản tố tụng:

-Căn cứ kết quả xác minh ngày 05/12/2016 của công an phường 7, quận 6 thì Ông Nguyễn Hữu T từ ngày 03/11/2003 chuyển hộ khẩu về thường trú tại 43 Phạm Văn C, phường 7, quận 6; từ 24/5/2009 chuyển hộ khẩu về thường trú tại 122/15/31 Bùi Tư T, phường A, quận BT. Ông T không có tạm trú và thực tế cư trú tại số 21 Phạm Văn C, phường 7, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Căn cứ kết quả xác minh ngày 10/3/2017 của công an phường An Lạc, quận Bình Tân thì ông Nguyễn Hữu T không có cư trú tại 122/15/31 Bùi Tư T, phường A, quận BT, đã bán nhà đi tháng 10/2016, đi đâu không rõ. Như vậy Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hữu T tại nơi cư trú cuối cùng nhưng ông T đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Theo trình bày của Bà Phan Hồng C thì bà và ông T kết hôn với nhau năm 2000. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên vắng nhà, tụ tập chơi với bạn bè mà không lo gì cho gia đình, thậm chí còn cố chấp, lớn tiếng và đánh đập bà. Như vậy mâu thuẫn giữa hai ông bà xuất phát từ việc cả hai không tôn trọng nhau nên không tạo dựng được hạnh phúc. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông T yêu cầu có mặt tại Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt. Điều đó cho thấy ông T cũng không coi trọng mối quan hệ hôn nhân này. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay nhưng cũng không có thiện chí hàn gắn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà khó có khả năng hàn gắn, tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho ly hôn là cần thiết. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà C đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Có 02 (hai) con chung:

-Nguyễn Khải N –Sinh ngày: 19/02/2002

-Nguyễn Ái V –Sinh ngày: 22/5/2013

Hiện nay cháu N đang sống với ông T tại quận Bình Tân, còn cháu V sống với bà C tại huyện C, tỉnh L. Bà C yêu cầu được nuôi cháu V, còn cháu N hiện đang sống với ông T thì để ông T nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà. Theo như lời bà C thì cháu Ái V hiện đang sống với bà và bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V là phù hợp nên hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với cháu Khải N hiện trên 15 tuổi nhưng ông T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa cũng không thể xem xét lấy ý kiến của cháu N về ý nguyện của cháu muốn sinh sống với ai. Thực tế cháu N đang sống với ông T nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu N, hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu N cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau này nếu có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết việc thay đổi nuôi con trong một vụ án khác.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Bà C khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà C xác nhận không có nợ chung nên Tòa không xét.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Hồng C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 36, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 170, điều 175, điều 179, điều 203, điều 227, điều 228, điều 266, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ điều 56, điều 57, điều 58, điều 71, điều 72, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

-Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

-Căn cứ Nghị quyết 326/NQ –UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014.

1/Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Hồng C đối với ông Nguyễn Hữu T. Giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường 7, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/12/2000 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có 02 (hai) con chung:

-Nguyễn Khải N –Sinh ngày: 19/02/2002

-Nguyễn Ái V –Sinh ngày: 22/5/2013

2.1/Giao cháu Ái V cho Bà Phan Hồng C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.2/Giao cháu Khải N cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2.3/Ghi nhận việc bà Phan Hồng C không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4/Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con.

2.5/Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự hoặc Văn phòng Thừa phát lại có thẩm quyền.

3/Về tài sản chung: Bà Phan Hồng C khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4/Về nợ chung: Bà C xác nhận không có nên Tòa không xét.

5/Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Hồng C chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001658 ngày 13/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/Bà Phan Hồng C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho đương sự có mặt)

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân.
- Chi cục THADS Q. Bình Tân.
- UBND phường 7, quận 6, Tp.HCM.
- Người tham gia tố tụng
- LưuVP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Xuân Quyền